

Quan điểm bảo tồn di sản văn hóa trong chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020

Thứ hai - 29/06/2015 21:55

Ta vẫn hiểu, quan điểm là điểm nhìn, điểm quan sát hoặc điểm xuất phát quy định hướng suy nghĩ, cách xem xét, nhận biết và xử lý các sự vật, hiện tượng khách quan trong tự nhiên và đời sống xã hội. Quan điểm về bảo tồn di sản văn hóa có vai trò rất quan trọng vì nó tạo tiền đề cho việc hoạch định các cơ chế, chính sách và ban hành các quyết định liên quan tới các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa vì bản thân thể hệ chúng ta hôm nay, vì tổ tiên, cha ông và các bậc tiền bối, đồng thời còn vì các thế hệ mai sau. Do đó quan điểm đúng đắn về bảo tồn di sản văn hóa cũng sẽ có tác dụng tích cực thúc đẩy quá trình phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

1. Quan điểm bảo tồn di sản văn hóa

Quan điểm này phải được thiết kế dựa trên cơ sở 5 quan điểm cơ bản chỉ đạo sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam đã được xác định rõ trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) của Đảng (1).

Nghị quyết đã khẳng định nhiệm vụ bảo tồn di sản văn hóa trong bối cảnh mới ở nước ta. “Di sản văn hóa là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị văn hóa mới và giao lưu văn hóa. Hết sức coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bác học và dân gian) văn hóa cách mạng bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể”.

Qua đó ta thấy, 5 quan điểm cơ bản chỉ đạo phát triển văn hóa của Việt Nam là tương đối thống nhất với các quan điểm về chính sách văn hóa mà nhiều quốc gia khác cũng đang theo đuổi. Đó là: gắn văn hóa với hệ tư tưởng - chính trị; văn hóa thể hiện đặc trưng dân tộc; sản phẩm văn hóa là một loại hàng hóa (2).

Có thể hiểu, văn hóa luôn gắn bó máu thịt với dân tộc và tư tưởng, chính trị, đồng thời còn được nhìn nhận là loại hàng hóa đặc biệt bởi vậy các quốc gia luôn hướng hoạt động văn hóa vào 3 mục tiêu lớn là: bảo vệ di sản và khuyến khích hoạt động sáng tạo; đảm bảo sự tiếp cận bình đẳng của tất cả mọi người đối với văn hóa; tạo cơ hội cho tất cả mọi người tham gia vào sáng tạo, phổ biến và hưởng thụ văn hóa (3).

Với nhận thức như trên, trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020, Bộ VH-TT-DL đã nghiên cứu và vận dụng sáng tạo 5 quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) và xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện, trong đó có nhiệm vụ bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc. “Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc là nhiệm vụ then chốt của chiến lược phát triển văn hóa. Tập trung điều tra toàn diện, nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và văn hóa phi vật thể; các loại hình nghệ thuật cổ truyền đặc sắc, văn hóa dân gian của từng địa phương, từng vùng văn hóa, từng vùng dân tộc; nghề thủ công truyền thống, lễ hội tiêu biểu, kho tàng Hán Nôm. Kết hợp phải hài hòa việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch bền vững.

Điều tra, sưu tầm, xây dựng ngân hàng dữ liệu về văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể tiêu biểu.

Đầu tư trang thiết bị kỹ thuật hiện đại để bảo quản, giữ gìn lâu dài tài liệu, hiện vật tại các bảo tàng, cơ quan lưu trữ tư liệu lịch sử, văn hóa, nghệ thuật ở trung ương và địa phương.

Thực hiện các hình thức tôn vinh các nghệ sĩ, nghệ nhân tiêu biểu và cơ chế chính sách để các nghệ nhân phổ biến, truyền dạy nghề cho các thế hệ”(4).

Như vậy, với tư cách là nhiệm vụ then chốt trong chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020, các hoạt động trong lĩnh vực di sản văn hóa đã được tiếp cận tổng thể với nhiều hình thức hoạt động đa dạng, có tác dụng bổ trợ lẫn nhau.

2. Một số vấn đề cơ bản bảo tồn di sản văn hóa

Trong xu thế hội nhập quốc tế, các quốc gia luôn tuân thủ định hướng lớn là: tôn trọng sự đa dạng văn hóa, bảo vệ và tôn vinh bản sắc văn hóa dân tộc làm nền tảng tinh thần và động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, trong đó có mục tiêu xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Với ý thức rằng “đa dạng văn hóa tạo nên một thế giới phong phú và đa dạng, gia tăng các lựa chọn và nuôi dưỡng khả năng và giá trị của con người, và vì vậy, đa dạng văn hóa là một động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững cho các cộng đồng, các dân tộc và các quốc gia”, UNESCO đã trình trọng tuyên bố trong lời nói đầu Công ước Bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa được thông qua tại phiên họp lần thứ 33 tổ chức tại Paris từ ngày 3 đến 21-10-2005. Là một quốc gia đa tộc người như Việt Nam, quan điểm tôn trọng sự đa dạng văn hóa càng có ý nghĩa cấp thiết hơn bao giờ hết. Đặc biệt trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và giao lưu văn hóa với thế giới, chúng ta cần phải quan tâm bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc để hội nhập mà không bị hòa tan.

Văn hóa nói chung, di sản văn hóa nói riêng được khẳng định là bộ phận hữu cơ trong quá trình phát triển kinh tế xã hội. Kinh tế và văn hóa là những yếu tố có mối liên hệ mật thiết, phụ thuộc và tác động tương hỗ, bổ sung lẫn nhau. Hơn nữa trong cấu trúc nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, việc bảo tồn di sản văn hóa phải đặt ra nhiệm vụ phục vụ nhu cầu phát triển bằng cách tác động tới việc giáo dục, bồi dưỡng nhân cách con người và đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho phát triển. Do đó bảo tồn di sản văn hóa phải vì mục tiêu phát triển và gắn với phát triển kinh tế xã hội. Nhìn thoáng qua, dường như khó có thể gắn kết kinh tế và văn hóa, di sản văn hóa. Cái thứ nhất chủ yếu liên quan đến sản xuất, cạnh tranh, lợi nhuận tối đa và tăng trưởng, trong khi cái thứ hai luôn hướng tới các giá trị nhân văn cao cả, chân - thiện - mỹ, phục vụ cho lợi ích chung của cộng đồng mà không phải là những tham vọng vị kỷ của cá nhân. Nhưng sẽ bảo tồn như thế nào, bằng phương tiện nào nếu không có cơ sở vật chất, kỹ thuật hoặc thiếu nguồn kinh phí do nền kinh tế mang lại. Và do đó bảo tồn di sản văn hóa phải phục vụ mục tiêu phát triển và cũng là nhu cầu tự thân của chính mình.

Di sản văn hóa cần được bảo vệ và phát huy giá trị với tư cách là một bộ phận cấu thành môi trường sống của nhân loại (môi trường văn hóa xã hội, cái thiên nhiên thứ hai), trong đó lãnh thổ quốc gia, không gian sinh tồn và hệ thống đô thị và các địa điểm cư dân là những đại diện điển hình nhất. Di sản văn hóa còn được coi trọng và tôn vinh vì đó là loại tài sản quý giá không thể thay thế, không thể tái sinh, nhưng lại rất dễ bị biến dạng và tổn thương trước tác động của các nhân tố tự nhiên và cách hành xử thiếu văn hóa do chính con người gây ra. Theo định nghĩa tại Điều 1 Luật bảo vệ môi trường của Việt Nam “Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và yếu tố vật chất nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng tới đời sống, sản xuất, sự tồn tại và phát triển của con người và thiên nhiên”. Môi trường sống của con người có 3 bộ phận cấu thành: môi trường tự nhiên, môi trường nhân tạo và môi trường văn hóa xã hội, trong đó di sản văn hóa hàm chứa trong bản thân nó cả 3 hợp phần (nơi chúng ta sống - văn hóa vật thể, cách chúng ta sống - văn hóa phi vật thể và môi trường thiên nhiên quanh ta). Khái niệm di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh lại bao hàm: các hạng mục kiến trúc, các địa điểm lịch sử; môi trường - cảnh quan thiên nhiên bao quanh di tích và giá trị văn hóa phi vật thể gắn với di tích. Từ đặc trưng đó đặt ra yêu cầu bảo tồn di sản văn hóa phải gắn với bảo vệ môi trường thiên nhiên và ngược lại, bảo vệ môi trường thiên nhiên là tạo ra môi trường tự nhiên trong lành cho sự tồn tại lâu dài của di sản, cao hơn nữa, còn tạo nên sức hấp dẫn thẩm mỹ cho di sản văn hóa.

Xã hội hóa (huy động nguồn lực xã hội) các hoạt động văn hóa cần được nhìn nhận một cách chuẩn xác và toàn diện. Con người được coi là trung tâm của quá trình phát triển. Và do đó, di sản văn hóa phải luôn gắn con người và cộng đồng cư dân địa phương nơi nó được sáng tạo ra và hiện đang được thực hành và truyền dạy. Đồng thời mục tiêu bảo tồn di sản văn hóa luôn phải hướng vào việc đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa lành mạnh của công chúng trong xã hội. Trước tiên, xã hội hóa được định nghĩa là “quá trình mà qua đó chúng ta có thể tiếp nhận được nền văn hóa của xã hội - nơi chúng ta sinh ra, là quá trình mà nhờ nó chúng ta đạt được những đặc trưng xã hội của bản thân, học được cách suy nghĩ và ứng xử được coi là thích hợp trong xã hội của chúng ta”(5). Đó cũng là quá trình cá nhân liên tục chủ động học hỏi lĩnh hội kiến thức văn hóa, giá

trị văn hóa, kinh nghiệm, bài học từ trong lịch sử để làm giàu thêm đời sống tinh thần của mình, từng bước hình thành nhân cách con người để hòa nhập vào xã hội, từ con người cá nhân thành con người xã hội (từ bầy đàn thành một thực thể xã hội có tổ chức), từ cá thể độc lập thành một thành viên của cộng đồng. Thông qua xã hội hóa phần con sẽ thu hẹp lại tối thiểu, phần người được không ngừng gia tăng và thăng hoa.

Xã hội hóa các hoạt động văn hóa được hiểu là xây dựng cộng đồng trách nhiệm của các tầng lớp cư dân trong xã hội, tự nguyện tham gia vào việc tạo lập và cải thiện môi trường kinh tế, xã hội lành mạnh và thuận lợi cho phát triển kinh tế cũng như các hoạt động văn hóa. Nhờ thế chúng ta có thể thu hút các nguồn lực, thành phần kinh tế, các cộng đồng cư dân trong xã hội tham gia sáng tạo, cung cấp và phổ biến các sản phẩm văn hóa (loại hàng hóa đặc biệt) có chất lượng cao thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ văn hóa đa dạng của công chúng.

Trong quá trình xã hội hóa, nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo trong việc định hướng cho các hoạt động văn hóa (định hướng chứ không làm thay, nhất là không được khoán trắng cho cộng đồng), đồng thời tăng cường đầu tư và tài trợ cho các hoạt động văn hóa, thì mới mong thực hiện có hiệu quả chủ trương xã hội hóa các hoạt động văn hóa nói chung và hoạt động bảo tồn di sản văn hóa nói riêng. Hướng đích cần thực hiện là:

Đổi mới, nâng cao chất và hiệu quả quản lý nhà nước, quan trọng hơn cả là có biện pháp nâng cao năng lực cũng như văn hóa đạo đức của đội ngũ cán bộ quản lý để ngăn ngừa những biến thái có thể xảy ra trong quá trình xã hội hóa các hoạt động văn hóa.

Sáng tạo nhiều hình thức hoạt động phong phú, vừa hấp dẫn, vừa phù hợp với phong tục, tập quán của dân tộc cũng như yêu cầu các tầng lớp cư dân khác nhau trong xã hội.

Tôn trọng và phát huy tối đa vai trò của cộng đồng trong các hoạt động văn hóa.

Huy động nguồn lực tại chỗ và của cả xã hội.

Tạo ra sự kích thích, tổ chức các hoạt động mang tính chất đòn bẩy để phát triển năng lực cộng đồng bằng tài chính, trang thiết bị, xây dựng cơ sở hạ tầng, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn lực.

Bản chất của hoạt động bảo tồn là giữ gìn, bảo vệ các yếu tố nguyên gốc trong di sản văn hóa. Trước hết cần nhận thức di sản văn hóa như là một dạng sản phẩm được sáng tạo trong những điều kiện kinh tế, lịch sử và văn hóa cụ thể qua nhiều giai đoạn phát triển. Do đó chúng ta cần làm rõ mối quan hệ giữa di sản văn hóa với các giai đoạn lịch sử mà nó đã được sáng tạo để tìm thấy những thông tin, kinh nghiệm và cả bài học lịch sử, trong đó quan trọng nhất là tính nguyên gốc và tính chân xác lịch sử của di sản.

Tính nguyên gốc gắn với những bộ phận cấu thành của di tích được sáng tạo ngay từ lúc khởi dựng ban đầu. Còn tính chân xác lịch sử lại gắn với những dấu ấn sáng tạo được hình thành trong quá trình tồn tại của di tích. Như vậy, yếu tố nguyên gốc và yếu tố chân xác lịch sử sẽ quyết định các mặt giá trị của di tích. Yếu tố gốc gắn với sự khởi thủy, sáng tạo ban đầu, tính nguyên mẫu, nó đối lập với sự sao chép, yếu tố gốc còn là những căn cứ đáng tin cậy, ngược với những gì là phỏng đoán hoặc giả thiết. Còn tính chân xác lịch sử lại đối lập với những gì là giả mạo hoặc làm giả như thật.

Đối với di sản văn hóa vật thể, tính nguyên gốc cần được xem xét ở cả 3 thuộc tính dưới đây:

Tính nguyên gốc biểu hiện ở kiểu dáng, phong cách; về vật liệu, kỹ thuật xây dựng và độ tinh xảo trong chế tác thi công; về công năng sử dụng; về địa điểm xây dựng và về môi trường cảnh quan sinh thái.

Tính nguyên gốc liên quan tới sự diễn biến liên tục trong quá trình lịch sử hình thành và phát triển

của di sản. Và do đó, trong cùng một di sản vẫn có thể tích hợp các yếu tố nguyên gốc của nhiều giai đoạn phát triển tạo nên sự hoàn chỉnh của một tổng thể.

Tính nguyên gốc gắn với những khoảnh khắc thời gian, thời điểm di sản đạt đến đỉnh cao về các mặt giá trị: lịch sử, văn hóa và khoa học.

Cần xuất phát từ đặc trưng của loại hình di sản văn hóa phi vật thể để xác định tính nguyên gốc của nó. Di sản văn hóa vật thể có khả năng tồn tại như một thực thể khách quan ngoài bản thân con người; ngược lại, di sản văn hóa phi vật thể tiềm ẩn trong bản thân con người và chỉ được biểu hiện ra như một hiện tượng văn hóa nhờ hành vi, hành động (hoạt động diễn xướng) của con người. Đặc biệt, di sản văn hóa phi vật thể chỉ được sáng tạo, bảo tồn và trao truyền bằng phương thức truyền miệng, truyền nghề (bí kíp nghề nghiệp) và thị phạm bằng hành động diễn xướng.

Về cơ bản, di sản văn hóa phi vật thể bao giờ cũng mang tính chất dân gian, tức là chúng liên tục được phát triển và biến đổi tùy thuộc vào điều kiện tự nhiên và xã hội của các nền văn hóa, các cộng đồng văn hóa địa phương, đồng thời lại phụ thuộc vào khả năng sáng tạo và nhu cầu hưởng thụ của chủ thể văn hóa.

Điều kiện tiên quyết đảm bảo sự tồn tại lâu dài và chuyển giao di sản văn hóa phi vật thể từ thế hệ này sang thế hệ khác là nó phải được gắn với đời sống đương đại luôn sôi động của một cộng đồng cư dân nhất định (gia đình, dòng tộc, làng xã...) chứ không phải đông cứng hay hóa thạch trong kho bảo tàng. Nghĩa là, di sản văn hóa phi vật thể phải tồn tại ngay trong không gian văn hóa nơi cộng đồng cư dân đã sáng tạo ra nó và tiếp tục cung cấp nguồn sinh khí cho nó tồn tại mãi mãi.

Di sản văn hóa phi vật thể thuộc sở hữu cộng đồng và các nghệ nhân dân gian, cho nên nó không bao giờ nhất thành bất biến, nó luôn hàm chứa những nhân tố lịch sử, đồng thời phải mang hơi thở thời đại của các chủ thể văn hóa và vùng miền văn hóa - nơi nó được sáng tạo và đang được lưu truyền. Bởi vậy rất khó xác định yếu tố nguyên gốc ban đầu.

Tu bổ, tôn tạo di tích gắn với phát triển du lịch bền vững là xu hướng hiện đại được áp dụng rộng rãi trên toàn thế giới. Di tích chỉ có thể được bảo tồn và chuyển giao cho thế hệ tương lai nếu nó còn thực sự có ích và có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng và hưởng thụ đa dạng của con người ở thời điểm hiện tại. Đó cũng là con đường biện chứng để quá khứ gắn bó với hiện tại và tiếp tục có ích cho tương lai.

Tôn tạo di tích cần được hiểu là một dạng hoạt động khoa học nhằm đạt tới hai mục tiêu cơ bản: loại bỏ khỏi di tích những yếu tố được bổ sung qua các giai đoạn phát triển mà không hàm chứa các giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, ngược lại còn làm suy giảm giá trị hoặc che khuất các yếu tố có giá trị của di tích và thiết lập các điều kiện vật chất, kỹ thuật (hạ tầng cơ sở kỹ thuật) tạo lập các cơ sở dịch vụ cần thiết, thuận lợi nhất cho du khách dễ dàng tiếp cận các yếu tố gốc, cảm thụ với hiệu quả cao nhất các mặt giá trị của di tích.

Áp dụng biện pháp tôn tạo di tích cũng tức là chấp nhận nguyên tắc cải tạo thích nghi cùng những thay đổi cần thiết trong các khu vực bảo vệ, thậm chí ngay cả trong khu vực bảo vệ I của di tích. Quan điểm này đã được khẳng định trong các điều khoản của Luật Di sản văn hóa (6).

Kinh nghiệm thực tế chỉ ra rằng, không thể có một công thức hay mô hình sẵn có mang tính chất vạn năng, cứng nhắc trong hoạt động bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể. Ngược lại, việc bảo tồn di tích, các quan điểm cụ thể, chiến lược phát triển, những mô hình hay nguyên tắc mang tính chất lý thuyết phải được vận dụng linh hoạt tùy thuộc vào điều kiện lịch sử và tự nhiên, nét đặc thù và các mặt giá trị tiêu biểu của các di tích cụ thể. Có lẽ duy nhất một quan điểm nên được quán triệt là bảo tồn di sản văn hóa phải gắn với phát triển, phục vụ mục tiêu phát triển, nhất là phát triển du lịch bền vững.

- 1, 4. Chiến lược phát triển văn hóa văn hóa thể dục thể thao, du lịch và gia đình đến năm 2020, tầm nhìn 2030, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2012, tr.154, 161.
- 2, 3. Nguyễn Văn Tình, Chính sách văn hóa trên thế giới và việc hoàn thiện chính sách văn hóa ở Việt Nam, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2009, tr.53, 158.
5. Nhóm tác giả, Nhập môn xã hội học, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993, tr.27.
6. Xem Luật Di sản văn hóa, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.51.

Tác giả bài viết: Đặng Văn Bài

Nguồn tin: Tạp chí VHNT số 346